

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa
anh L và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Bà Nguyễn Thị Thuý Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vi Văn L, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (vắng mặt).

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. (ngày 11/3/2024 đã bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tuyên bố mất tích). (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Vi Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T đăng ký kết hôn ngày 18/01/2011 tại UBND xã H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại xã H được một thời gian ngắn đến tháng 2 năm 2017 thì chị T tự ý bỏ đi, không thông báo anh L và gia đình đã đi tìm

kiếm chị T nhiều nơi nhưng không biết chị T đang ở đâu, làm gì. Tháng 10 năm 2023, anh L nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tuyên bố chị T mất tích. Tại Quyết định số 32/2024/QĐST-VDS ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích theo quy định của pháp luật. Từ đó đến nay anh L vẫn không có tin tức gì về chị T. Nay anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị T có 03 con chung: Cháu Vi Ân K sinh ngày 02/4/2010, Vi Thiên Â sinh ngày 05/10/2011 và cháu Vi Ngọc Tuyết L1 sinh ngày 19/11/2015. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng nuôi cả 03 con. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Anh L không đề nghị giải quyết.

** Bị đơn là chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu tuyên bố mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng đến nay chị T vẫn không có tin tức gì, vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thủ lý vụ án, xác minh tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tổng đạt các quyết định tố tụng khác. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. .

Về nội dung vụ án: Cho ly hôn giữa anh Vi Văn L và chị Nguyễn Thị T; Về con chung: Giao cháu Vi Ân K sinh ngày 02/4/2010, Vi Thiên Â sinh ngày 05/10/2011 và cháu Vi Ngọc T1 Liên sinh ngày 19/11/2015 cho anh Vi Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: Không xem xét giải quyết giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Vi Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị T đã bị Tòa án tuyên bố là mất tích. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh L, chị T là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa anh Vi Văn L và chị Nguyễn Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 18/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T đã bỏ đi khỏi địa phương xã H, huyện H, từ đó đến nay không về, không liên lạc gì với anh L và gia đình. Anh L và gia đình đã đi tìm kiếm chị T nhiều nơi nhưng không biết hiện nay chị T đang ở đâu, làm gì.

Xét yêu cầu của anh Vi Văn L xin ly hôn là do chị Nguyễn Thị T đã bỏ đi mất tích, đến nay anh L cũng không còn tình cảm với chị T. Căn cứ vào Quyết định số 32/2024/QĐST-VDS ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tuyên bố chị Nguyễn Thị T mất tích, quyết định này đã có hiệu lực pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị T có ba con chung là Vi Ân K sinh ngày 02/4/2010, Vi Thiên Â sinh ngày 05/10/2011 và cháu Vi Ngọc Tuyết L1 sinh ngày 19/11/2015. Hiện nay con chung đang do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh L đề nghị xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện hoàn cảnh của hai bên hiện nay, nguyện vọng của anh L và của con chung thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung do anh L trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không quan tâm gì đến gia đình và con chung, sau đó chị T bỏ đi mất tích đến nay không có tin tức, địa chỉ gì. Nguyện vọng của cả ba con chung muốn ở cùng anh L. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh L và không buộc chị L1 phải cấp dưỡng nuôi con cho anh L; hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Anh Vi Văn L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vi Văn L và chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Ân K, sinh ngày 02/4/2010; Vi Thiên Ân, sinh ngày 05/10/2011 và cháu Vi Ngọc Tuyết L1, sinh ngày 19/11/2015 cho anh Vi Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

(Hiện nay cả ba con chung đang sống cùng anh L).

3. Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Vi Văn L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003290 ngày 20/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

